

**THÁNH PHẬT MẪU BÁT NHÃ BA LA MẬT**  
**ĐA**  
**CỬU TỤNG TINH NGHĨA**  
**QUYỂN HẠ**

Nhân đây hỏi: Với Thắng nghĩa đế thế nào là tự tánh?

Đáp: Lời Tụng đã có dụ: Đó là dợn nắng (dương diệm) v.v...

“Dợn nắng”: tức là do bụi đất, mặt trời và tia sáng ba thứ giả hợp với nhau. Do dợn nắng tạo hình rất nhanh, nên vừa mới trông thấy trước đó, sau đã mất ngay. Thế nên Tụng nói: “Mới thấy đó, đã mất rồi”.

Tất cả cảnh giới và mọi thứ riêng biệt hiện có, ý nghĩa cũng như thế. Tuy mỗi thứ biểu lộ rõ ràng, nhưng đều không có tự tánh đích thực. Vì sao? Vì các tự tánh của chúng trước và sau không hòa hợp nhau, nghĩa là tự tánh của nó, không có tướng nhất định. Kẻ ngu giữ lấy và vướng mắc vào một tánh chuyển đổi đó. Thế nên, tất cả đều rơi vào nẻo hữu tình thế tục. Lại nữa, ở đây nếu tánh đối ngại của năng thủ (chủ thể giữ lấy, như người v.v....) và sở thủ (đối tượng được giữ lấy như cảnh, vật v.v....) rỗng không, không có, tức là tự tánh thì thật rõ ràng xưa nay vốn không sinh. Tâm pháp phát hiện cũng như hình bóng.

Vì giải thích nghĩa này, nên **Tụng Thứ Bảy Nói**:

*Sở thủ như hình bóng  
Từ vô thi: Tâm sinh  
Mà Tướng và Thức ấy  
Như hình bóng nương nhau.*

Đây có ý nói, biết các đối tượng chấp như hình bóng, tức đây và kia rất giống nhau, dường như thiệt. Giống nhau như thế nào? Như là hình dáng mặt mày trong gương. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là từ tâm sinh ra, nhưng chỉ riêng tâm của kẻ đó sinh ra mà thôi. Khi đó, trong tâm có đủ mọi thứ hình ảnh, cảnh tượng ở ngoài đã chấp lấy, và giữ mãi chẳng chịu rời bỏ. Nghĩa này đã xong.

Còn tất cả các vật ở bên ngoài, mà ta đã chấp lấy đó thì không

khác gì hình ảnh ở trong gương. Tức là các pháp đó, theo thói quen lâu đời, nó là những hạt giống được đưa vào, tâm thu nhận và cất chứa tại đó. Ở trong hai cái không về người chấp và đối tượng chấp, chấp lấy hai tướng đối ngại.

Do từ vô thủy đến nay, các hình bóng đó đều từ tâm sinh ra, hoặc đồng thời, hoặc trong những thời gian khác nhau rồi các thứ đó cùng kết chặt bên nhau; nhưng nếu ta để ý, quán sát kỹ càng, thì thấy tất cả đều không có tự tánh. Chẳng phải chỉ có tâm, pháp cũng do các tướng của sở duyên mà dẫn đến việc sinh ra tâm thức của năng duyên. Thế nên mới có tướng các pháp.

Khi nói “Tướng”, tức là nói đến tính tụ tập, gồm thâu mà thành. Chẳng phải chỉ có một pháp do đối tượng chấp lấy là như thế, mà cả tướng chủ thể chấp lấy cũng có như thế... Ở đây có nghĩa là, đối tượng chấp lấy thì không có tự tánh, còn chủ thể (người) chấp thì lại chẳng thật! Tụng nói “nướng nhau” (hỗ tương). Nướng nhau có nghĩa là hòa hợp. Sự hòa hợp nướng nhau đó, như hình và bóng. Vì như hình bóng, nên người chấp và vật bị chấp (năng thủ, sở thủ), hai cái đó, phải nướng vào nhau chặt chẽ, tánh không bao giờ lìa xa nhau được. Tức là hai cái đó ở trong chỗ không nắm bắt được mà nướng nhau rồi thì tâm pháp xuất hiện, tức là tâm khởi ý niệm và hoạt động, thế là có các tướng nắm bắt được.

Tổng ý ở đây là: Tự tánh của tâm xưa nay, luôn trong trẻo, sáng suốt, không có hai tướng sở thủ và năng thủ, tức người chấp và vật bị chấp. Tâm đó, xưa nay đã lìa bỏ những tham-sân-si vv... và các vô minh nhớ nhớ; nó luôn luôn thanh tịnh, trắng trong, sáng sủa, vì đã lìa mọi mê đắm và dính mắc. Cho nên Tụng sau nói: “Như ánh trăng trong nước” là để giải thích nghĩa này.

**Tụng Thứ Tám Nói:**

*Quán tự tịnh trong loại  
Như trăng trí sáng soi  
Nhìn ánh trăng trong nước  
Sáng rõ nhưng không có.*

Quán có nghĩa là định. Định nghĩa là để tâm chuyên chú vào một chỗ, một cảnh duy nhất. Trong định đó, có đối tượng để quán tưởng, và tâm rất tự tại. Tụng nói “Tự”, tức là chủng tử, của chính mình. “Tịnh” tức là thanh tịnh. Thanh tịnh có nghĩa là lìa các dơ bẩn. Từ những chủng tử của miệng, thân, ý chính mình, đã hình thành mà duyên liên tục và sinh ra tướng các chữ sau đây:

Chữ “Ngật Lý”: Chữ này sẽ biến thành ánh sáng rực rỡ, chói lòa khắp nơi. Trong ánh sáng đó, từ các chủng tử của tâm, chảy ra một dòng cam lộ rực sáng, rộng lớn, chói lọi khắp nơi. Ánh sáng đó, lại biến thành một vầng lửa thật to. Và từ vầng lửa sáng đó, sinh ra cái trí tuệ và phương tiện, lại cũng từ đó nó tiếp tục sanh ra.

Chữ “Ha”: Chữ này vang dội, phát ra một tiếng rất to. Trong đó hiện ra tám cánh Hoa sen, chữ Ha nằm ở giữa, tưởng trong ngoài khắp cả mười sáu phần vị.

Lại tưởng chữ “Ca” thành vô số các vì sao, chạy khắp chung quanh. Và ở các vị trí thích hợp, nên tưởng tượng có vị Phật, ngồi trên hoa sen, và cả mười sáu chỗ kia, đều có vầng trăng thật sáng. Cứ quán tưởng như thế, rồi để mãi trong trí nhớ, lúc nào cũng thấy chúng hiện rõ ràng.

Chữ “Hồng” có ánh sáng rực rỡ. Ở trong ánh sáng đó, lại xuất hiện một ánh lửa rất lớn, chói lòa. Nên tự quán từ thân mình theo vầng trăng trí tuệ, mà phát sinh tâm Bồ Đề. Lại từ đó phát sinh vầng trăng trí Kim Cang. Nên biết, mặt trăng đó, chính là Trí Kim Cang, chiếu khắp thế gian. Ánh sáng trí tuệ chiếu sáng tất cả mọi sắc tướng. Thế nên tụng nói, “như trăng trí tuệ sáng soi” là vậy.

Trí Kim Cang ấy, mà thành tựu sinh ra Huệ và các phương tiện. Tướng của Niết-bàn, không có gì dụ được, cũng lại từ Huệ này mà sinh ra. Trong Kim Cang giới, có hình tướng Bồ-tát Ma Ma Chỉ ngồi quán tưởng pháp Tam Ma Bát Đế là pháp sâu kín, mầu nhiệm, tuyệt diệu, quý báu nhất. Vầng mây sâu kín, dần trải, bỗng bành khắp nơi, tỏa ánh sáng rực rỡ. Vị Bồ-tát đó, có thân hình chiếu tỏa ánh xanh, có ba đầu và tám cánh tay. Đầu mặt ở giữa có màu xanh, mặt bên phải màu vàng và mặt bên trái màu trắng. Bên hữu, cánh tay thứ nhất cầm kiếm, tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm câu móc, tay thứ tư cầm gậy kim Cang. Ở bên trái, cánh tay thứ nhất cầm cái vòng, tay thứ hai cầm cung, tay thứ ba cầm sợi dây lạt, tay thứ tư cầm chuông. Và Bồ-tát đó, lý và trí hợp nhau, nên các việc làm bố thí đều ứng hợp các phương tiện. Vị Bồ-tát ấy, tướng tốt trang nghiêm, đầu đội mũ Phật A Súc Bệ, trên mặt có dáng vẻ vui tươi, ôn hòa, hiền lành, rất đáng mến. Ngài đang ngồi Kiết Già, đẹp như cánh hoa A Đa Tây tinh khiết trong sạch, chung quanh có vòng hào quang sáng ngời rực rỡ, với ánh sáng thật tuyệt diệu tròn đầy. Lại như hình tướng của Kim Cang Tát Đỏa, có tự tánh đầy vẻ an lạc, tươi tắn, đang vẩy nước Cam lồ, biến khắp tất cả. Thân Bồ-tát đấy, tức là thân của Như Lai, từ phương tiện huệ hiện ra. Thế nên bài Tụng mới nói “Như trăng trong nước”.

Bài Tụng nói “Nhược”, có nghĩa là như, như trăng trong nước, đấy tức là trống không. Từ trong pháp không, mà sinh ra các pháp, nơi sinh ra nó, thì xưa nay thuộc tính chất không sinh; do đó mà dụ là trăng trong nước.

Ở đây là như thế. Ở trong tự tánh của pháp giới, chấp lấy là có tánh nhưng thật ra là không có tánh. Vì sao? - Tụng nói: “Hiện đó, nhưng không chỗ có”.

Do các việc như thế, nên tất cả pháp không có gì là có thể có được. Trong Chơn như có làm, có chứng mà thật sự không có khả năng. Có làm, có chứng, đều chỉ là phương tiện để tạo lập ra các pháp. Cùng với hư không là bình đẳng. Để chứng thực cho nghĩa này;

**Tụng Thứ Chín Nói:**

*Nếu trí đã tương ứng  
Đó là tướng hư không  
Mọi hiểu biết của trí  
Đều như tướng hư không.*

Nói về tương ứng, thì nên biết, đó là Trí cùng với Định, hai pháp ấy tương ứng ứng hợp nhau. Sự tương ứng đó, tức là Kim Cang. Vì có pháp tương ứng đó, nên mới gọi là tương ứng. Do sự tương ứng ấy, trí có được đó, đối với các pháp, không có đối tượng để chấp. Trong tướng không hai đó, nhờ trí tuệ làm phương tiện, sinh ra thân Như Lai, đây chẳng phải là tự tánh hí luận của các Uẩn-Xứ-Giới như đã nói trước đây. Đây là nghĩa sau cùng.

Nhưng thân Như lai là bất động, chỗ thành tựu các tự tánh pháp giới vốn xưa nay là không sinh. Vì sao thế? Vì tự tánh của Như Lai là lìa bỏ, đó tức là tánh không, nên thôi, không thể nói được!

“Vô tánh”, nghĩa là xưa nay chẳng sinh, nên gọi là vô tánh. Thế nên Tụng nói là “Như tướng hư không”.

Đây lại vì sao? Là vì lìa tất cả tánh hí luận, cho nên giống như hư không, vì hư không đó, là tướng như thế. Mà tướng hư không phải phù hợp như thế, cứ như lý mà tìm tòi suy xét kỹ lưỡng.

“Tướng”, có nghĩa là hiển lộ ra ngoài. Lại nữa, nên biết đối với tất cả pháp, không có chướng ngại; trong tự tánh mà có các tác dụng, là do trí nhập vào ba cõi, tướng của tâm và tâm sở thì như tướng hư không. Chỉ bày cái sở tri là vô minh, đã tùy thuận hiện hành tướng của hai thế gian là Khí và hữu tình, với tự tánh hí luận của các Uẩn-Xứ-Giới v.v...

Cảnh sở tri này tùy thuận theo đó mà có giác ngộ các cảnh sở tri biến kế hệ thuộc. Thế nên, đây nói gọi là sở tri. Đó tức là sở tri làm

cảnh giới của trí, có tính được tạo tác. Do đó Nhất Thiết Trí, Trí Nhất Thiết Trí, cả hai thứ trí này, đều như hư không. Nên quán như thế.

Vì gồm thâu chung cả nghĩa này nên Tụng nói “Đều”. “Đều”, nghĩa là không có ngoại lệ. Không có một phần ít nào ngoại lệ này.

Ở đây, trừ các hàng Thanh văn, ưa thích chứng lấy Niết-bàn Hữu dư Y. Tuy đã chứng được lý Vô ngã về Người, mà đối với các sự pháp của uẩn, còn chấp cho là có. Còn những kẻ khác, chứng Niết-bàn Vô Dư Y tức là tướng giải thoát, nay đây đều được nhiếp thọ chấp nhận. Như Phật đã nói: Tất cả các thứ, tất cả những cái có ở đây, đều là rỗng không. Trong đó, lại trừ đi một phần “cái không” của ngoại đạo đã nói. Do nghĩa đó, cho nên, ở đây, nên biết, trong thế gian, không hề có một chút pháp nào có thể có, tất cả đều như tướng của hư không kia.

Nói “Như tướng hư không”, nên biết đó là tự tánh của hư không, nó chơn thật như thế.

Đây là đã luận xong về chín bài Tụng như đã nói. Lại muốn chỉ bày các quả chủng trí của các Bồ-tát, nên nói một Tụng tổng kết:

*Như lý tư duy thật tánh ấy,  
Tất cả tánh ấy, chẳng nương nhờ, Có tâm thẳng  
nguyện quả Bồ-đề, Đại trí trang nghiêm phải đạt  
được.*

□